

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trọng Hùng
2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2022/TLST- HNGĐ ngày 07/01/2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thuỳ L, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Chị L xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thuỳ L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2020 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 11/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết chị được cho ly hôn với anh S.

Về con chung; Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2, Phóra bị đơn anh Nguyễn Văn S: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy bảo làm việc nhiều lần nhưng anh S đều vắng mÆt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2022 ông Nguyễn Văn Duyên (bố đẻ anh S) trình bày: Anh S là con trai ông, chị L là con dâu. Chị L và anh S được tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng vợ chồng ông được ba tháng thì chị L gọi người nhà xuống đón về từ tháng 01/2021 đến nay. Phía gia đình ông cũng lên đón, khuyên bảo chị L về chung sống cùng anh S nhưng chị L không về. Việc chị L xin ly hôn, anh S đã biết nhưng anh S bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc được. Nay chị L xin ly hôn anh S ông đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị L gia đình ông không có ý kiến gì.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã C ngày 14/3/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị L và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2020 tại UBND xã , huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh S tại khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị L xin ly hôn anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thuỳ L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Thuỳ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ,n phÝ ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh S có hộ khẩu thường trú tại khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L có đơn xin được giải quyết xét xử tòa nhưng anh S vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh S là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 01/10/2020 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 11/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết chị được cho ly hôn với anh S. Tòa án đã báo gọi

nhiều lần, anh S có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại bản tự khai ngày 14/3/2022 ông Nguyễn Văn D (bố đẻ anh S) trình bày anh S là con trai ông, chị L là con dâu. Chị L và anh S được tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng vợ chồng ông được ba tháng thì chị L gọi người nhà xuống đón về từ tháng 01/2021 đến nay. Phía gia đình ông cũng lên đón, khuyên bảo chị L về chung sống cùng anh S nhưng chị L không về. Việc chị L xin ly hôn anh S đã biết nhưng anh S bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc được. Nay chị L xin ly hôn anh S ông đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị L gia đình ông không có ý kiến gì. Ngày 14/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị L và anh S được đại diện chính quyền địa phương cung cấp chị L và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2020 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh S tại khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị L xin ly hôn anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh S đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh S là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung; Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thuỳ L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

[2]. Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thuỳ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007659 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã C;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền